| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 441/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/10/2023
V/v: " *ly hôn*".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI.**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa*: Bà Võ Thị Hà Vân

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Thiều Thị Phi Loan

Ông Trần Văn Chánh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa***: Ông Trần Quốc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 3053/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 396/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023, Quyết định hoãn phiên toà số 485/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: ông Phùng Văn H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 89/1, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

- **Bị đơn**: bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1992.

Địa chỉ: số nhà 13A, tổ 10, khu phố 5, phường A, thành phố B, tỉnh Đ.

(*ông H, bà N có đơn xin vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 10 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phùng Văn H trình bày***: ông và bà

N xây dựng gia đình vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/7/2011 tại UBND phường 2, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên lục đục, xích mích, cải vã lẫn nhau. Ông và bà N sống ly thân từ tháng 3/2022 đến nay. Ông xin được ly hôn với bà N để trả tự do cho nhau.

*Về con chung*: Quá trình chung sống ông H, bà N có 01 con chung:

Phùng Hà Gia H, sinh ngày 06/10/2011.

Ly hôn, ông H yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Gia Hân, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung*: tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Về nợ chung*: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

***Tại bản tự khai ngày 27 tháng 10 năm 2023 bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày***: Bà và ông H xây dựng gia đình vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/7/2011 tại UBND phường 2, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên lục đục, xích mích, cải vã lẫn nhau. Bà và ông H sống ly thân từ tháng 3/2022 đến nay. Ông H xin ly hôn, bà đồng ý.

*Về con chung*: Quá trình chung sống ông H, bà N có 01 con chung:

Phùng Hà Gia Hân, sinh ngày 06/10/2011.

Ly hôn, bà N đồng ý để ông H được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Gia Hân, bà N không cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung*: tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Về nợ chung*: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

***Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa***: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phùng Văn H.

Về con chung: Giao cháu Phùng Hà Gia Hân, sinh ngày 06/10/2011 cho ông Phùng Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng là đúng quy định Pháp luật.

Tài sản chung, nợ chung: Các bên khai không có nên Toà án không xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:**

Ông Phùng Văn H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thị N. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật là « Ly hôn». Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông Phùng Văn H là nguyên đơn còn bà Nguyễn Thị N là bị đơn.

Ông Phùng Văn H xin ly hôn bà Nguyễn Thị N, theo biên bản xác minh ngày 30/3/2023 tại Công an phường An Bình, bà N là bị đơn cư trú tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] **Về quan hệ hôn nhân**: Bà N và ông H xây dựng gia đình vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/7/2011 tại UBND phường 2, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Ông H và bà N đều thừa nhận sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm, tính tình vợ chồng không hoà hợp, vợ chồng thường xuyên cải vã. Ông H yêu cầu ly hôn, bà N đồng ý. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn ông Phùng Văn H, cho ông H ly hôn bà Nguyễn Thị N.

[3] **Về con chung**: Ông Phùng Văn H và bà Nguyễn Thị N có 01 con chung là cháu Phùng Hà Gia Hân, sinh ngày 06/10/2011. Ly hôn ông H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Gia Hân, tạm thời bà N không cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai ngày 27/10/2023 bà N đồng ý để ông H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Gia Hân, bà N không cấp dưỡng nuôi con chung. Qua tham khảo ý kiến của cháu Hân cháu có nguyện vọng được ở với bố, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phùng

Văn H, giao cháu Phùng Hà Gia Hân cho ông H chăm sóc, nuôi dưỡng, ông H không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời bà N không cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] **Về tài sản chung:** Các bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[5] **Về nợ chung**: Các bên khai không có nên không xem xét.

[6] **Về án phí:** Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Phùng Văn H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 208; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phùng Văn H, xử cho ông H được ly hôn bà Nguyễn Thị N.

2. **Về con chung**: Giao cháu Phùng Hà Gia Hân, sinh ngày 06/10/2011 cho ông Phùng Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời bà Nguyễn Thị N không cấp dưỡng nuôi con chung.

3. **Về tài sản chung, nợ chung:** Không xem xét.

4. **Về án phí**: Ông Phùng Văn H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004726 ngày 03/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà. Ông H đã nộp đủ án phí.

5. Ông Phùng Văn H, bà Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- VKSND thành phố Biên hòa
- THADS thành phố Biên Hòa
- Các đương sự
- Nơi đăng ký kết hôn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Thị Hà Vân**